TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG DÂN** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 31/5/2022.
"V/v tranh chấp xin ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Bình**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Văn Thuyền**

Ông **Lại Thiện Phong**

Thư ký phiên tòa: Bà **Thái Kim Phương** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: Bà **Lê Huyền Mao** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 223/2021/TLST–HNGĐ, ngày 20 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp xin ly hôn và nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXXST–HNGĐ, ngày 18 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Danh S**, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện H, tỉnh B.

2. Bị đơn: Chị **Thị Đ**, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện H, tỉnh B.

(Anh Danh S vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Thị Đ vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Danh S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2012, anh S và chị Thị Đ có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian đầu, vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng anh chị thường xuyên cự cải bất

đồng quan điểm trong cuộc sống và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 07 năm cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với chị Thị Đ.

Về quan hệ con chung: Anh S xác định trong quá trình chung sống, giữa anh và chị Đ có 01 người con chung là cháu Danh Thị Th, sinh ngày 23/02/2013. Hiện nay cháu Thảo đang sống cùng anh S nên anh S yêu cầu nuôi con nhưng không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh S không có yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn chị Thị Đ không cung cấp lời khai của mình cho Tòa án, Tòa án có đến nơi cư trú của chị Thị Đ để lấy lời khai nhưng chị Đ vắng mặt. Cơ quan có thẩm quyền tại địa phương nơi cư trú của chị Đ xác định: Chị Thị Đ vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại Ấp C, xã N, huyện H, tỉnh B nhưng hiện tại chị Đ vắng mặt nơi cư trú, khi bỏ đi thì không có trình báo hay xin vắng mặt. Từ đó, Tòa án tiến hành niêm yết công khai tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án đúng quy định pháp luật nhưng đến nay chị Đ vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình; Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Danh S và chị Thị Đ là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Danh Thị Th, sinh ngày 23/02/2013 cho anh S nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng chị Đ có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về quan hệ tài sản: Anh S không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra đương sự còn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Anh Danh S khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Thị Đ và yêu cầu giải quyết về con chung nên căn cứ khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về "Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con" là đúng quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Thị Đ có nơi đăng ký thường trú tại Ấp C, xã N, huyện H, tỉnh B nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Nguyên đơn anh Danh S tuy rằng vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với anh S. Bị đơn chị Thị Đ vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị Thị Đ.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Anh Danh S yêu cầu xin ly hôn với chị Thị Đ, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh S thừa nhận vào năm 2012 có tổ chức đám cưới với chị Thị Đ trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc nhưng đến nay anh, chị chưa có đăng ký kết hôn. Trong thời gian đầu, vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẩn do vợ chồng anh chị thường xuyên cự cải bất đồng quan điểm trong cuộc sống và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 07 năm cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với chị Thị Đ. Tuy nhiên, theo Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này mà chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng".* Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận anh Danh S và chị Thị Đ là vợ chồng.

[5] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống anh S xác định giữa anh và chị Đ có 01 người con chung cháu Danh Thị Th, sinh ngày 23/02/2013. Hiện nay cháu Thảo đang sống cùng anh S nên anh S yêu cầu nuôi con nhưng không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Thảo đang sống cùng

anh S và cháu đã có cuộc sống, môi trường ăn, ở, học ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Danh Thị Th, sinh ngày 23/02/2013 cho anh S nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng chị Đ có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

[6] Về quan hệ tài sản: Anh S không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Buộc anh S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Về ý kiến phát biểu việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử xét thấy việc đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 9, 14, 15, 53, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Danh S và chị Thị Đ là vợ chồng.

2/ Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Danh Thị Th, sinh ngày 23/02/2013 cho anh S nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng chị Đ có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

3/ Về quan hệ tài sản: Anh S không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Danh S phải nộp số tiền là 300.000 đồng nhưng anh S đã dự nộp số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006029 ngày 20/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nay chuyển thu toàn bộ số tiền trên thành án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ. Viện Kiểm sát nhân

dân cùng cấp và cấp trên được quyền kháng nghị bản án này theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hồng Dân;
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Văn Bình